

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TÂY NGUYÊN

PHẠM ĐỨC DƯƠNG*

Tây Nguyên là một vùng lãnh thổ tự nhiên, một vùng văn hóa đặc sắc của nước Việt Nam, là một bộ phận thuộc cao nguyên miền Trung Đông Dương trải dài từ phía Bắc đến Trường Sơn phía Đông và cao nguyên Cò Rạt (Thái Lan) phía Tây. Do vị trí địa lý hết sức quan trọng về nhiều mặt, do sức sống mãnh liệt của một cộng đồng các dân tộc với nền văn hóa truyền thống đa dạng, sống động, thời nào cũng vậy, Tây Nguyên được xem là một địa bàn chiến lược của cả nước, một vùng lãnh thổ có vị trí xung yếu và tiềm năng lớn cả về chính trị, an ninh quốc phòng, kinh tế, văn hóa. Đối với cách mạng Việt Nam, nếu như trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, Tây Nguyên là căn cứ địa thần thánh, là điểm nút của cuộc tiến công nổi dậy mùa xuân năm 1975 thì ngày nay, Tây Nguyên là một khu vực chiến lược phát triển quốc gia, là mái nhà chung của toàn cõi Đông Dương (ngã ba Đông Dương), là nơi hội cư của người Thượng và người Kinh cùng chung lưng đấu cật để khai phá vùng đất tuy giàu có nhưng không kém phần gian khổ - nhất là cuộc sống còn quá thấp, những bất cập của chúng ta và sự phá hoại của kẻ xấu.

Chỗ dựa vững mạnh nhất của chúng ta là lòng dân, là sức mạnh văn hóa. Là nhân tố quan trọng trong nền sản xuất tổng hợp có hàm lượng trí tuệ cao, văn hóa như là chất keo kết dính các mối quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội tạo nên hình hài và bản sắc dân tộc mỗi quốc gia, mỗi khu vực. Văn hóa có khả năng bao quát một cách trực tiếp, đảm bảo tính bền vững xã hội, tính kế thừa lịch sử và không bị trộn lẫn ngay cả khi hội nhập vào những cộng đồng lớn hơn. Vì vậy

* GS. TS. Hội Khoa học Đông Nam Á

trong quá trình tích hợp quốc gia, hội nhập thế giới, nếu như khoa học kỹ thuật ngày càng nhất thể hóa bao nhiêu, thì ngược lại văn hóa mỗi dân tộc như là tấm căn cước lại càng khu biệt bấy nhiêu. Như những dòng sông, văn hóa của các dân tộc bên bờ tích lũy, thấu nhận, gạn lọc tinh hoa từ muôn nẻo, không ngừng chuyển tải và biến đổi, không ngừng giao lưu và mở rộng để rồi kết tinh lại thành cái của riêng mình, góp phần vào đại dương mệnh mông đầy hương sắc của nhân loại, và, đến lượt mình lại được tận hưởng hương vị xa lạ của cái đại dương bao la vĩ đại đó. Nếu như chúng ta hiểu văn hóa là tất cả những gì do con người sáng tạo ra, thì mọi cái liên quan đến con người đều có mặt văn hóa, và văn hóa ngày nay được đặt cạnh phát triển. Do đó văn hóa trở thành động lực và hệ điều tiết của phát triển. Theo quan điểm của Đảng ta thì văn hóa là nền tảng tinh thần của nhân dân ta, và lợi thế của người đi sau chính là văn hoá. Đối với cả nước là như vậy, đối với Tây Nguyên càng phải là như vậy. Tây Nguyên sẽ đi lên bằng sức mạnh văn hóa của dân tộc.

Ngày nay, nhìn trên tổng thể và toàn cục, loài người đang bước vào thế kỷ XXI với một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử được diễn ra dưới tác động sâu sắc của 3 cặp các sự kiện vô cùng quan trọng:

- Hai sự chuyển hướng chiến lược toàn cầu: từ đối đầu sang đối thoại; phát triển từ châu Âu - Đại Tây Dương sang châu Á - Thái Bình Dương.
- Hai cuộc cách mạng đồng thời: Cuộc cách mạng khoa học công nghệ chuyển từ nền văn minh công nghiệp sang hậu công nghiệp; cuộc cách mạng xã hội chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội (hay hậu tư bản).
- Hai quá trình đồng thời: Khu vực hóa và toàn cầu hóa.

Ba cặp sự kiện nêu trên đã làm thay đổi tận gốc bộ mặt thế giới và ảnh hưởng trực tiếp đến mọi quốc gia, mọi dân tộc buộc chúng ta phải đổi mới tư duy và phải có thái độ thích nghi trong điều kiện cộng sinh văn hóa mới. Chúng ta, một nước đang phát triển, có nhiều cơ may (với lợi thế của người đi sau), nhưng phải đối mặt với hai vấn đề: Một là, trong khi tập trung nguồn lực quốc gia chạy theo tăng trưởng kinh tế trong cơ chế thị trường làm thế nào vừa nâng cao được đời sống vật chất cho đông đảo quần chúng mà vẫn giữ được những giá trị nhân bản của văn hóa truyền thống? Hai là, trong xu thế giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng làm sao có thể làm phong phú nền văn hóa dân tộc trong cộng sinh văn hóa mà không đánh mất đi những giá trị của bản sắc dân tộc?

Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải bảo tồn và phát huy mọi giá trị truyền thống, trong đó có văn hóa Tây Nguyên.

Như chúng ta đều biết, văn hóa Tây Nguyên còn bảo lưu nhiều yếu tố, nhiều dấu ấn kì vĩ, sống động của nền văn hóa huyền thoại - một nền văn hóa mở

trong buổi bình minh của lịch sử, khi mà con người và tự nhiên cùng với thế giới thần linh còn hòa đồng chưa cách biệt; con người gia nhập vào thần lực của vũ trụ bằng những biểu trưng, những huyền thoại và những ma thuật. Do đó vũ trụ có những tính chất nhân hình (có linh hồn, có ma quỷ) và con người có những tính chất vũ trụ hình (có chứa sức mạnh vũ trụ). Tư duy huyền thoại biến đổi lịch sử của một cộng đồng thành truyền thuyết, liên kết thế giới thực với thế giới tưởng tượng, rồi phóng chiếu vào thế giới huyền thoại. Con người hiện đại chỉ nhìn thấy sự khêu gợi thơ ca trong các biểu tượng, tính ảo tưởng và trẻ con trong huyền thoại, sự mê tín và dối trá trong ma thuật, và, xem xét từ bên ngoài thì huyền thoại là huyền bí, nhưng xem xét từ bên trong thì huyền thoại được cảm nhận như là chân lý, tạo nên sức mạnh của cộng đồng, đến nỗi họ phải tự hỏi: Liệu có thể có một cộng đồng người mà không có chất kết dính huyền thoại không? ⁽¹⁾

Sử thi Tây Nguyên, do đó, là một giá trị tinh thần, được người dân lưu giữ trong trí nhớ và được diễn xướng trong các sinh hoạt cộng đồng mà chúng ta có thể gọi là “văn hóa sử thi”. Sử thi chứa đựng trong nó những tri thức bách khoa của cộng đồng các dân tộc. Nếu người Ấn Độ nói rằng, mọi cái hiện có ở Ấn Độ đều đã có trong “Mahabhrata”, thì người Mnông cũng cho rằng mọi thứ trong cuộc sống của họ đều có từ thời Tiang, Yang (2 nhân vật sử thi). Vì vậy, theo TS Hồng Kỳ ⁽²⁾, kho tàng sử thi Tây Nguyên là một kho tàng văn hóa vô giá. Sử thi (Khan - tiếng Êđê, Ot ndrong - tiếng Mnông, Hơ - tiếng Garai, Homon - tiếng Bahnar...) là món ăn tinh thần không thể thiếu của người Tây Nguyên. Từ đêm này qua đêm khác, bên bếp lửa, trên sàn nhà... mọi người quây quần nghe người già hát sử thi... say mê đến mức “càng nghe càng thích, nghe từ sáng đến tối không chán, có khi mãi nghe quên cả ăn, nghe từ chập tối cho đến khi gà gáy sáng cũng không buồn ngủ”, “buổi tối dân làng nghe kể Khan như thế nào, thì buổi sáng vẫn thấy họ ngồi nguyên như thế ấy”. Ot ndrong là “truyện cổ hát mãi không hết” cho người ta sống với lịch sử trong không khí hào hùng của dân tộc và thổi vào tâm hồn họ niềm khát khao, mơ ước được trở thành những người anh hùng... Càng kể càng hay, cuộc sống trở nên vô tận. Mỗi bon có vài người có năng khiếu và trí nhớ tuyệt vời nên đã giữ lại được những vốn sử thi đồ sộ. Họ là những nghệ nhân hát sử thi như nghệ nhân Điểu Klung (dân tộc Mnông) đã hát, kể hàng vạn câu, vì trời phú cho ông thiên bẩm: “chỉ nghe một lần là Ot ndrong dính vào tai” ⁽³⁾.

Từ năm 2001 đến năm 2007, Chính phủ đã giao cho Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với các tỉnh Tây Nguyên tiến hành dự án “Điều tra, sưu tầm bảo quản, biên dịch và xuất bản kho tàng sử thi Tây Nguyên”. Như đại hạn gặp mưa, các nghệ nhân các dân tộc đã hồ hởi ghi lại những sử thi được họ lưu giữ;

hàng trăm tác phẩm đã được sưu tầm, phiên âm, biên dịch, biên tập và cho lần lượt xuất bản 75 tác phẩm; mỗi cuốn có độ dày trên một ngàn trang! ⁽⁴⁾

Cùng với nghệ thuật ngôn từ và diễn xướng sử thi của các nghệ nhân, người dân Tây Nguyên còn được sống rạo rực trong nghệ thuật công chiêng. Ai đã một lần được thưởng thức âm nhạc công chiêng đều bị lôi cuốn, đầy ấn tượng vì hình thức thì rất đơn giản nhưng lại hàm chứa một giá trị rất đặc sắc. Hiện nay chúng ta còn gặp hai loại hình trình diễn công chiêng cơ bản: Một là, những công chiêng kết thành giàn treo vào các giá bằng song mây hay gỗ hình bán nguyệt hay chữ nhật do một người đọc diễn và thường nằm trong một giàn nhạc. Loại hình này thường gặp ở các dân tộc phía Tây Trường Sơn và vùng hải đảo, nơi chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ; Hai là, một dàn công chiêng được xếp thành bộ do một nhóm người đồng diễn, mỗi người phụ trách một chiêng như một dàn nhạc độc lập (có thể có trống da hoặc lục lạc phụ họa thêm). Đây có lẽ là hình thức nguyên sơ được khắc họa trên trống đồng Đông Sơn, được bảo lưu bởi các dân tộc Tây Nguyên - nơi ít chịu ảnh hưởng ngoại lai - những cư dân Tiên - Đông Dương (Proto - Indochinois) mà các học giả Pháp đã gọi họ.

Nghệ thuật công chiêng gắn bó với những niềm vui và nỗi buồn của các cộng đồng tộc người ở trên núi, từ lễ “thối tai” mời thần linh và cộng đồng chúng giám sự ra đời của chú bé đến tiếng chiêng moong dẫn linh hồn người chết về thế giới bên kia. Nghệ thuật công chiêng với sự đa dạng về tiết tấu và giai điệu, với sự hòa âm trong không gian rộng lớn của Tây Nguyên đã tạo nên một âm hưởng trầm hùng, vang xa phù hợp với núi rừng, được con người tạo thành những không gian thẩm mỹ hoành tráng. Tiếng chiêng Bahnar trầm hùng, chiêng Arap Giarai âm thầm thủ thủ, chiêng Êđê dữ dội và mãnh liệt ⁽⁵⁾. Bí quyết tạo nên của sự hấp dẫn âm thanh (vang dội, trong trẻo, trầm ấm) từ những nhạc cụ hết sức thô sơ và đơn giản này chính là nghệ thuật pha chế đồng và cách tạo dáng của người thợ đúc. Có khi người ta còn pha cả vàng bạc và đồng đen - một hợp kim được tạo ra trong khung cảnh thiêng làm cho tiếng công, tiếng chiêng ngân xa trên thính không nơi trú ngụ của thần linh để cầu xin sự phù hộ độ trì, đồng thời cũng khắc vào tâm khảm sâu lắng nhất của lòng người những ấn tượng thiêng liêng đưa con người đến những tình cảm thánh thiện! “Chiêng ơi, trống hỡi! Hãy vang lên đến chín tầng mây biếc. Hãy rền vang đến chân trời xanh cho ông trăng xuống nhanh cùng dân làng uống rượu, cho nàng tiên dưới biển cùng tề tựu ăn trâu” (dân ca Tây Nguyên).

Một dàn công chiêng có thể là những bộ khác nhau. Thường có 3 kiểu: công và chiêng hỗn hợp (16 cái ở người Jarai, 12 - ở người Jeh, 11 - người Stiêng...), hoặc chỉ có công, hoặc chỉ có chiêng. Đây là những bộ gõ mà nét độc đáo bất

ngờ lại là âm sắc của chúng: trầm, trong, vang, có nhiều âm bồi, phải nghe từ xa mới hết cái hay, vì không gian rừng núi đã lọc bớt các âm bồi chỉ để lại những âm chính. Người biểu diễn dùng tay phải gõ chiêng, còn tay trái tì vào mặt sau để chặn, ngắt, bịt, mở... làm cho âm bồi cao hơn âm thật đến một quãng tám. Nghệ thuật tài ba của người biểu diễn được thể hiện ở bàn tay trái điệu nghệ, như người đánh đàn nhấn nhá trên phím.

Bộ công và bộ chiêng, với những kích thước khác nhau đã tạo nên sự phối âm thành 2 tuyến theo nhịp 2/4. Ví dụ như bộ công của người Stiêng có 5 công, 6 chiêng thì được phân bố như sau: với công 3 chiếc trầm nằm ở tuyến dưới tạo nên giai điệu, còn 2 chiếc cao tuyến trên tạo nên phần nền, phần đệm. Ngược lại, với chiêng: 3 chiếc trầm ở tuyến dưới tạo nên phần nền, còn ba chiếc cao tuyến trên tạo nên giai điệu. Nhờ sự phân bố này mà phần nền được biểu thị ở cả 2 cực đối lập cao thấp, còn các giai điệu thì được thiết lập ở khoảng giữa... do đó nhạc cụ thì đơn giản mà âm sắc thì phong phú, cho ta âm điệu nhiều tuyến và giao bè, một dạng hòa thanh phức tạp nhất trong một tiết tấu cũng đa dạng, nhấn đảo phách nhiều nhất. Vì vậy, công chiêng đánh nghe du dương, trầm bổng mà không chán tai. Và kỳ lạ thay! thật hiếm có, người Tây Nguyên còn ru con ngủ bằng âm nhạc công chiêng! (6)

Nghệ thuật công chiêng Tây Nguyên - một giá trị mang tính nhân loại nên gần đây đã được UNESCO công nhận là một di sản phi vật thể của thế giới!

Bao trùm lên tất cả trong đời sống tinh thần của người Tây Nguyên có lẽ là lễ hội truyền thống, biểu thị những quan niệm của họ về con người, về vũ trụ ít nhiều còn thô sơ, chất phác nhưng được họ rất tin. Đó là những nghi lễ nông nghiệp, những lễ hội đâm trâu nổi tiếng và đặc biệt là những nghi lễ đối với người chết. Họ coi thế giới người chết đứng về một phía đối diện ngang tầm với người sống, và có thái độ ứng xử khác độc đáo. Đó là lễ “bỏ mả” - một biểu tượng nói lên ý nghĩa người sống tiễn biệt người chết, làm cho âm dương cách biệt hoàn toàn, để người chết đi vào thế giới của họ, để được tái sinh. Đó là một màn trình diễn tổng hợp của cả một cộng đồng với tất cả cái gì họ có: âm nhạc công chiêng, múa hóa trang, múa mặt nạ, con rối... trong chất men thiêng và sức mạnh cộng đồng... Đất như rung lên, chân đi theo nhịp tay múa tự do - một màn diễn xướng không có lời biểu hiện ý niệm hóa thân từ cõi chết sang cõi sống mà kịch bản dựa trên huyền thoại khởi nguyên về sự sinh thành loài người. Nhà mồ, với tư thế vươn lên chiếm lĩnh chiều cao giữa cảnh núi rừng bao la hùng vĩ được nhân lên bội phần bởi những đồng lửa bập bùng lan toả trong không gian, bởi tiếng công chiêng âm vang ngút ngàn, đẩy nhà mồ cao tận trời xanh, phá vỡ mặt bằng tự nhiên tạo nên khoảnh khắc hoành tráng, sinh động giữa nơi âm u tĩnh mịch của Tây Nguyên. Nhà mồ như biểu tượng cây vũ trụ

với tiếng cồng chiêng và ánh lửa nổi lên đất trời – con người - thần linh – cõi sống – cõi chết.

Kể sao cho hết, văn hóa cổ truyền Tây Nguyên quả là phong phú, độc đáo và cũng rất khác với chúng ta. Dấu ấn của nó được bảo lưu trong lòng đất (với văn hóa khảo cổ học Biển Hồ), được đọng lại trong phương thức sản xuất “luân canh” vừa “ăn rừng” vừa “nuôi rừng”, trong nếp sống bình đẳng của các công xã nông thôn miền núi với vai trò của già làng, những “thi pháp tạo hình” của tượng mồ, nhà rông không “tả” mà “gợi” tạo nên sức mạnh “ma thuật hình học” của mỹ học nguyên thủy, những mảng màu, những hoa văn kỳ hà trên vải, v.v... và v.v... (7)

Tuy nhiên cuộc sống của các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, và Việt Nam nói chung đầy biến động và bị cuốn hút theo dòng lịch sử, nhất là dưới thời kỳ cách mạng; và văn hóa cũng biến đổi theo, nhất là những biến đổi về đời sống vật chất. Bà con Tây Nguyên nay có nơi đã dùng máy cày, trồng cà phê, cao su, hồ tiêu, hạt điều..., đã có nhà ngói, xe máy, đã có điện, có tivi màu... Cái còn lại sẽ là những giá trị tinh thần. Chúng tạo nên cái mà ta gọi là bản sắc dân tộc. Vì vậy, theo chúng tôi, điều quan trọng để giữ gìn bản sắc dân tộc chính là giữ gìn những giá trị tinh thần. Điều đáng tiếc là cán bộ của ta biết nhiều về bà con Tây Nguyên, nhưng lại không hiểu họ bao nhiêu. Trong 2 cuộc kháng chiến thần thánh, chúng ta đã sát cánh với đồng bào và cổ vũ tinh thần yêu nước, dũng cảm chiến đấu của bà con để đánh giặc giữ làng, nhưng cũng vô tình đưa vào phong trào cách mạng một quan niệm “vô thần” không phải lối - nhất là đối với các dân tộc Tây Nguyên còn đậm không khí huyền thoại. Nhân danh chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống mới, chúng ta đã xóa bỏ văn hóa tinh thần của bà con và áp đặt những quan niệm của chúng ta. Vì thế chúng ta đang gặp phải vô vàn khó khăn:

Một là, chúng ta mong muốn và nói nhiều về “miền núi tiến kịp miền xuôi”, nhưng “lực bất tòng tâm” vì đó là một sự nghiệp lâu dài và gian khổ. Đời sống đồng bào, nhất là vùng sâu vùng xa còn quá cơ cực. Người Tây Nguyên cảm nhận được những hẫng hụt không phải chỉ có cái ăn, cái mặc hàng ngày mà còn cả trong đức tin, trong tâm thức của họ.

Hai là, sự hiểu biết của chúng ta về Tây Nguyên còn quá ít (nhất là hiểu biết về tâm thức của họ), cho nên các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cơ quan địa phương chưa có sự hiểu biết đầy đủ và có cơ sở khoa học để hoạch định một chiến lược toàn diện, đồng bộ với hệ thống các chính sách phù hợp, chưa tập trung đào tạo một đội ngũ cán bộ người địa phương có trình độ, có năng lực, có quyết tâm “sống chết với Tây Nguyên”. Do đó kết quả mang lại chưa đúng với

đường lối, thậm chí còn gây những hậu quả tiêu cực (kiểu bóc ngắn cắn dài, ăn xổi ở thì...).

Ba là, điều này mới là quan trọng, chúng ta chưa chăm lo đến tình đoàn kết Kinh - Thượng, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu các biện pháp hữu hiệu, còn bộc lộ tư tưởng “dân tộc lớn” ban ơn, áp đặt làm cho bà con người dân tộc “bằng mặt mà không bằng lòng”, nhất là khi một số cán bộ và cơ quan vi phạm đến quyền lợi của người dân, quyền làm chủ đất rừng, nguồn sống và vi phạm đến đức tin của họ. Đó chính là “quả bom nổ chậm” mà khi còn sống bác sĩ Y Ngông NickDam đã cảnh báo với tư cách là Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk, và sau này là Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc của Quốc hội. Chúng ta quan tâm nghiên cứu các dân tộc ít người, nhưng lại không nghiên cứu người Kinh khi họ lên làm ăn trên Tây Nguyên và chiếm trên 70% dân số. Chính nếp sống của người Kinh, bên cạnh nhân tố tích cực, đã bộc lộ nhiều hạn chế, vi phạm đến quyền làm chủ của người dân tộc.

Cách đây hơn 20 năm, các nhà khoa học nhất là cố Giáo sư Từ Chi, trong khi nghiên cứu về Tây Nguyên đã có 3 cảnh báo cực kỳ nghiêm trọng:

- Rừng Tây Nguyên bị phá trụi chủ yếu do cách khai thác của người Kinh.
- Người Kinh lên đông chiếm đất, chiếm rừng làm giàu, đẩy bà con người Thượng vào vùng sâu vùng xa.
- Cán bộ vận động đời sống mới, do bị hẫng hụt về đức tin, bà con tìm đến đạo Tin lành và bị bọn xấu lợi dụng.

Ba cảnh báo đó đều không được các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước từ TW đến địa phương quan tâm xử lý, hoặc xử lý vụng về, non nớt thiếu cơ sở khoa học. Đến nay những cảnh báo trên đã thành hiện thực gây nên sự xáo động bất lợi về mọi mặt buộc chúng ta phải đối phó. Và chúng tôi, những người nghiên cứu về Tây Nguyên cũng cảm thấy mình có lỗi!

Cách đây 3 năm, phối hợp với Trường Đại học Đà Lạt và Đại học Tây Nguyên, chúng tôi đã xây dựng Đề án thành lập “Trung tâm Khoa học Tây Nguyên” với mong muốn bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống góp phần đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ ở khu vực Tây Nguyên⁽⁸⁾. Trung tâm này là một tổ chức nghiên cứu khoa học của Nhà nước mang tính khu vực, hoạt động đa ngành, liên ngành giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, được tổ chức và làm việc tại chỗ nhằm phục vụ trực tiếp cho sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, là cơ quan tham mưu, tư vấn về khoa học, đào tạo cán bộ, xây dựng các dự án phát triển góp phần cơ sở khoa học cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng Tây Nguyên. Trường Đại học Đà Lạt và trường Đại học Tây Nguyên đã xây dựng một dự án

khá công phu, nếu được triển khai với lực lượng cán bộ khoa học tại chỗ, với sự tham gia trực tiếp của các cấp ủy, chính quyền chắc chắn sẽ có đóng góp cho địa phương. Nhưng tiếc thay, đã 3 năm qua, dự án đã gửi đi khắp nơi, nhưng biệt vô âm tín, không nhận được một sự trả lời nào từ phía Chính phủ, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vì vậy, có thể nói “Khoa học kỹ thuật chưa đi vào cuộc sống và cuộc sống thì dường như chưa sẵn sàng tiếp nhận khoa học kỹ thuật”! Hy vọng rằng, Đại hội Đảng lần thứ X sẽ giành cho Tây Nguyên một vị trí xứng đáng!

Chú thích

1. Xem Edgar Morin. *Tri thức về tri thức (nhân học về tri thức)*. Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội, tr. 295 - 317.
2. Sử thi Mnông. *Lời giới thiệu sử thi Mnông: “Thuốc cá ở hồ bầu trời, mặt trăng”*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
3. Nghệ nhân Điểu Klung năm nay 64 tuổi, có trí nhớ thiên bẩm, thuộc nhiều Ot ndrong của người Mnông. Ông đã kể sử thi “Thuốc cá ở hồ bầu trời mặt trăng” có tới 3 vạn câu!
4. Hiện nay tôi đã nhận được 12 cuốn sử thi gồm 11 cuốn sử thi Mnông và một cuốn sử thi Giarai. Nhân đây xin cảm ơn các tác giả và Viện Nghiên cứu Văn hóa - Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
5. Xem Linh Nga Niekđam: *Tính độc đáo của dân chiêng Êđê*, TC Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1 - 1995, tr. 63.
6. Phần viết này chúng tôi đã sử dụng tư liệu và kiến giải của các tác giả: Tô Vũ, Vũ Hồng Thịnh, Bùi Lắm trong công trình nghiên cứu “Nghệ thuật công chiêng của dân tộc Stiêng – Sông Bé”, TP. Hồ Chí Minh, 1995. Nhân đây chúng tôi xin tỏ lòng biết ơn các tác giả.
7. Xem thêm các bài viết của Trần Từ, Trần Quốc Vượng, Nguyễn Khắc Sử, Ngô Văn Doanh, Thu Nhung Mlô, Linh Nga Niekđam... trong Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số đặc biệt liên kết với Trường Đại học Tây Nguyên, Trung tâm Khoa học và nhân văn Tây Nguyên, số 1 – 1995.
8. Xem “Đề án thành lập Trung tâm khoa học Tây Nguyên” lưu tại Đại học Đà Lạt và Đại học Tây Nguyên.